

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ

I. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa, giáo dục nước ta cũng đang thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện. Chúng ta cần những người có tư duy sáng tạo, đột phá, sáng suốt, độc lập và có khả năng kết nối. Một trong những nội dung đổi mới căn bản, quan trọng là đổi mới mục tiêu giáo dục và đào tạo theo quan điểm giáo dục phải nhằm định hướng ***phát triển phẩm chất và năng lực người học***.

Dạy học (dạy và học) phát triển phẩm chất, năng lực người học là cách thức dạy học có ưu thế vượt trội hướng người học hình thành và phát triển nhân cách. Tuy vậy để thực hiện tốt dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học, cả người dạy và người học cần hiểu rõ bản chất, nội dung của vấn đề. Trên cơ sở đó người dạy vận dụng tốt phương pháp, kỹ thuật dạy học và đưa ra những chỉ dẫn, định hướng đến người học..

Dạy học phát triển năng lực vì thế quan tâm không chỉ đến các chất liệu (kiến thức, kĩ năng, thái độ,..) mà rất cần chú ý đến cách thức, phương pháp. Sau mỗi giờ học theo định hướng này, người học không chỉ được mở mang về tri thức mà còn hiểu và biết cách tìm ra tri thức đó; biết tri thức đó giúp được gì cho mình trong cuộc sống hàng ngày và để đi xa hơn trong tương lai.

Ở tiểu học, học sinh đã được làm quen với môn Địa lí, làm quen với việc ghi chép nội dung các phần của bài học vào vở. Nhưng cách thông thường là giáo viên (GV) nêu vấn đề cần giải quyết, rồi GV tổ chức cho HS khai thác các tư liệu địa lí trong SGK, lược đồ,... Sau đó, GV tổng hợp kiến thức của phần đó rồi ghi lên bảng và học sinh chép vào vở theo đúng nội dung cô ghi bảng. Như vậy, học sinh cứ chờ cô viết rồi mới viết, còn cô không viết thì thôi. Vì vậy tính chủ động và sáng tạo của học sinh chưa được phát huy. Vậy người giáo viên sẽ phải làm gì, làm như thế nào trong tiết dạy của mình để tạo ra sự thay đổi như mong muốn đó là không nhồi nhét, cung cấp thức ăn có sẵn như dạy học theo nội dung; dạy học phát triển năng lực yêu cầu HS tham gia tích cực trong các giờ học, tự tìm kiếm, phát hiện vấn đề, trao đổi, tranh luận để đi đến những hiểu biết về kiến thức và cách làm. Người GV có vai trò quan trọng trong việc nêu vấn đề, giao nhiệm vụ, tổ chức cho HS làm việc, trao đổi... cùng tham gia với HS và nêu lên nhận xét của mình nếu cần thiết.

Tóm lại, dạy học phát triển năng lực vẫn coi trọng nội dung kiến thức tuy nhiên chỉ mình nội dung kiến thức chưa đủ; cần thay đổi cách dạy và cách học theo hướng HS chủ động tham gia kiến tạo nội dung kiến thức., vận dụng tri thức vào cuộc sống và hình thành phương pháp tự học có thể theo suốt đời. Đó

là điều làm tôi trăn trở. Trong thời gian gần đây, tôi đã suy nghĩ và tìm cách tổ chức tiết dạy bài địa lí lớp 4 với mong muốn góp phát huy tính chủ động, sáng tạo cho học sinh. Từ đó giúp các em có những phẩm chất và năng lực cần thiết trong xu hướng hội nhập hiện nay. Trong phạm vi của đề tài, tôi xin đưa ra **“Một số kinh nghiệm góp phần phát triển phẩm chất và năng lực cho học sinh lớp 4 thông qua môn Địa lí.”**

II. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

1. Mục tiêu

- Tổ chức tốt hoạt động dạy học theo quan điểm phát triển năng lực, phẩm chất cho học sinh.
- Bồi dưỡng bản thân.

2. Nhiệm vụ

- Nghiên cứu lí luận về phương pháp, nguyên tắc giáo dục, các hình thức tổ chức dạy học.
- Đề ra các hoạt động học tăng cường học tập cá thể phối hợp với học tập hợp tác.
- Rút ra được những bài học kinh nghiệm từ việc trải nghiệm thực tế.

III. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Học sinh lớp 4 năm học 2019 – 2020 của trường.

IV. Phương pháp nghiên cứu

- Nghiên cứu lý luận
- Phương pháp quan sát
- Phương pháp trải nghiệm.
- Phương pháp tổng kết kinh nghiệm

PHẦN II. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

I. Cơ sở lí luận:

Khi nói về phẩm chất, năng lực thì có nhiều quan điểm, nhiều cách tiếp cận khác nhau. Theo sự nghiên cứu của tôi, tôi đồng tình với quan điểm dưới đây.

Phẩm chất là cái làm nên giá trị của người hay vật. Riêng đối với người, phẩm chất là những yếu tố đạo đức, hành vi ứng xử, niềm tin, tình cảm, giá trị cuộc sống; ý thức pháp luật của con người được hình thành sau một quá trình giáo dục.

Năng lực là khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hoạt động nào đó. Cụ thể hơn: Năng lực là khả năng huy động tổng

hợp các kiến thức, kỹ năng để thực hiện thành công một loại công việc trong một bối cảnh nhất định.

Theo thông tư 22/2016/TT-BGDĐT, các năng lực của học sinh được hình thành và phát triển trong quá trình học tập, rèn luyện, hoạt động trải nghiệm cuộc sống trong và ngoài nhà trường. Giáo viên đánh giá mức độ hình thành và phát triển một số năng lực của học sinh thông qua các biểu hiện hoặc hành vi như sau:

+ **Tự phục vụ, tự quản:** thực hiện được một số việc phục vụ cho sinh hoạt của bản thân như vệ sinh thân thể, ăn, mặc; một số việc phục vụ cho học tập như chuẩn bị đồ dùng học tập ở lớp, ở nhà; các việc theo yêu cầu của giáo viên, làm việc cá nhân, làm việc theo sự phân công của nhóm, lớp; bố trí thời gian học tập, sinh hoạt ở nhà; chấp hành nội quy lớp học; cố gắng tự hoàn thành công việc;

+ **Giao tiếp, hợp tác:** mạnh dạn khi giao tiếp; trình bày rõ ràng, ngắn gọn; nói đúng nội dung cần trao đổi; ngôn ngữ phù hợp với hoàn cảnh và đối tượng; ứng xử thân thiện, chia sẻ với mọi người; lắng nghe người khác, biết tranh thủ sự đồng thuận; tự tin đưa ra ý kiến; cùng nhau xây dựng ý tưởng trong quá trình học tập.

+ **Tự học và giải quyết vấn đề:** khả năng tự thực hiện nhiệm vụ học cá nhân trên lớp, làm việc trong nhóm, lớp; khả năng tự học có sự giúp đỡ hoặc không cần giúp đỡ; tự thực hiện đúng nhiệm vụ học tập; chia sẻ kết quả học tập với bạn, với cả nhóm; tự đánh giá kết quả học tập và báo cáo kết quả trong nhóm hoặc với giáo viên; tìm kiếm sự trợ giúp kịp thời của bạn, giáo viên hoặc người khác; vận dụng những điều đã học để giải quyết nhiệm vụ trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện những tình huống mới liên quan tới bài học hoặc trong cuộc sống và tìm cách giải quyết.

Các phẩm chất của học sinh được hình thành và phát triển trong quá trình học tập, rèn luyện, hoạt động trải nghiệm cuộc sống trong và ngoài nhà trường. Giáo viên đánh giá mức độ hình thành và phát triển một số phẩm chất của học sinh thông qua các biểu hiện hoặc hành vi như sau:

+ **Chăm học, chăm làm, tích cực tham gia hoạt động giáo dục:** đi học đều, đúng giờ; thường xuyên trao đổi nội dung học tập, hoạt động giáo dục với bạn, thầy giáo, cô giáo và người khác; chăm làm việc nhà giúp đỡ cha mẹ; tích cực tham gia các hoạt động, phong trào học tập, lao động và hoạt động nghệ thuật, thể thao ở trường và ở địa phương; tích cực tham gia và vận động các bạn cùng tham gia giữ gìn vệ sinh, làm đẹp trường lớp, nơi ở và nơi công cộng;

+ **Tự tin, tự trọng, tự chịu trách nhiệm:** mạnh dạn khi thực hiện nhiệm vụ học tập, trình bày ý kiến cá nhân; nhận làm việc vừa sức mình; tự chịu trách

nhệm về các việc làm, không đổ lỗi cho người khác khi mình làm chưa đúng; sẵn sàng nhận lỗi khi làm sai;

+**Trung thực, kỉ luật, đoàn kết:** nói thật, nói đúng về sự việc; không nói dối, không nói sai về người khác; tôn trọng lời hứa, giữ lời hứa; thực hiện nghiêm túc quy định về học tập; không lấy những gì không phải của mình; biết bảo vệ của công; giúp đỡ, tôn trọng mọi người; quý trọng người lao động; nhường nhịn bạn;

+ **Yêu gia đình, bạn và những người khác; yêu trường, lớp, quê hương, đất nước:** quan tâm chăm sóc ông bà, cha mẹ, anh em; kính trọng người lớn, biết ơn thầy giáo, cô giáo; yêu thương, giúp đỡ bạn; tích cực tham gia hoạt động tập thể, hoạt động xây dựng trường, lớp; bảo vệ của công, giữ gìn và bảo vệ môi trường; tự hào về người thân trong gia đình, thầy giáo, cô giáo, nhà trường và quê hương; thích tìm hiểu về các địa danh, nhân vật nổi tiếng ở địa phương.

Trong số các nguyên tắc dạy học, để thiết kế bài học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh, tôi thấy cần đảm bảo các nguyên tắc chính sau:

+**Nguyên tắc tính hệ thống và năng lực học sinh:**

- Hệ thống hóa nội dung dạy học với hệ thống các biện pháp sư phạm.
- Phát triển nội dung dạy học dựa vào khả năng tiếp thu của học sinh.

+**Nguyên tắc phát huy tính chủ động, tích cực và sáng tạo của học sinh:**

-Học sinh là chủ thể tích cực, chủ động và sáng tạo. *Quá trình học tập của học sinh về bản chất là quá trình hoạt động nhận thức- chỉ có thể hoàn thành nếu như học sinh tự giác, tích cực , độc lập hoạt động. Và quá trình này lại được hoàn thành nhờ sự tác động qua lại giữa giáo viên và học sinh, giữa dạy và học. Thái độ tích cực tự giác học tập bắt đầu từ khi học sinh hiểu rõ mục đích và nhiệm vụ chung của việc học tập cũng như những mục đích riêng của mỗi nhiệm vụ học tập, mỗi bài học, mỗi bài làm. Vì vậy phải thông qua việc làm cho các em hiểu được mục đích và nhiệm vụ của từng hoạt động cụ thể, từ đó từng bước nâng cao nhận thức của các em về nhiệm vụ học tập chung. Việc đề ra những nhiệm vụ nhận thức, việc tạo ra những tình huống có vấn đề... góp phần khơi sâu thái độ học tập tự giác, kích thích tính tích cực suy nghĩ của học sinh.*

-*Tính tự giác tích cực trong học tập có những tác động sau: Đó là điều kiện quan trọng để ghi nhớ khi lĩnh hội kiến thức. (để nhớ một bài thơ, hay một hình ảnh khi đã hiểu về nó). Chỉ học tập một cách tự giác mới có thể liên hệ những kiến thức mới với khối lượng kiến thức và biểu tượng đã có, tiến hành phân loại và sắp xếp chúng... Việc lĩnh hội kĩ năng kĩ xảo cũng phải được tiến hành một cách tự giác. Học sinh không phải chỉ cần biết và hiểu cần làm như thế nào, mà*

còn phải biết và hiểu vì sao cần phải làm như vậy, cần phải thực hiện những hành động đó nhằm những mục đích gì.

+Nguyên tắc chủ đạo của giáo viên:

Giáo viên là chủ thể của tổ chức, điều khiển quá trình dạy học.

- Quan tâm đúng mức đến việc giáo dục cho học sinh ý thức được ngày càng đầy đủ, ngày càng sâu sắc mục đích, nhiệm vụ học tập để từ đó có động cơ và thái độ đúng đắn.

- Thực hiện một cách đa dạng, có hệ thống việc thu được những tín hiệu ngược trong và ngược ngoài để kịp thời điều chỉnh quá trình dạy học.

II. Thực trạng

Trong chương trình sách giáo khoa, nội dung các bài học địa lí ở lớp 4 được lựa chọn phù hợp với đặc điểm tâm lí của học sinh – thích điều mới lạ. Mỗi bài được chia thành các phần nhỏ theo đúng đặc điểm địa lí tương ứng.

Nhưng giờ học địa lí thông thường vẫn theo một trình tự: giáo viên cho học sinh đọc, tìm hiểu SGK, có thể xem thêm phim, ảnh để tìm ra kiến thức; GV ghi nội dung lên bảng, HS chép vào vở. GV có thể chuẩn bị thêm nội dung mở rộng cung cấp cho HS. Bên cạnh đó, một số phụ huynh học sinh chưa thật sự quan tâm để giúp các em học tốt môn Địa lí, mà chỉ quan tâm và đầu tư nhiều cho môn Toán và Tiếng Việt. Coi môn Địa lí là môn học phụ. Học sinh lớp 4 lần đầu tiên được tiếp thu kiến thức mới đối với môn Địa lí như được làm việc nhiều với bản đồ, lược đồ, tranh ảnh để tìm hiểu nội dung của bài. Việc quan sát các sự vật, hiện tượng địa lí, tìm tài liệu, cách trình bày kết quả bằng lời nói, cách diễn đạt còn hạn chế và sơ sài. Việc quan sát, phân tích số liệu trên bản đồ, lược đồ, kĩ năng chỉ bản đồ còn rất lúng túng. Chất lượng của mỗi lớp không đồng đều, một số học sinh nhận thức chưa cao nên việc tiếp thu bài còn chậm.

Tôi nhận thấy học sinh vẫn chưa thật chủ động trong tiết học. Biểu hiện là các em vẫn có thái độ chờ đợi hiệu lệnh của cô để chuyển sang nội dung khác của bài học, chờ đợi cô ghi bảng để nhìn chép nội dung vào vở. Trong khi đó, các em đã là học sinh lớp 4 phải chuẩn bị một cách học chủ động, sáng tạo. Vậy mà, những phẩm chất và năng lực cần thiết được hình thành một cách mờ nhạt thiếu rõ nét.

Ở trường tôi, một lớp gần 50 học sinh, nhìn chung phụ huynh cũng quan tâm đến việc học của con là một điều kiện khá thuận lợi cho việc tiến hành những thay đổi. Hệ thống máy tính có kết nối internet, màn chiếu, projector,... Và trong năm học này, sự định hướng theo quan điểm giáo dục hiện đại của Ban giám hiệu đã tạo điều kiện để GV có thể tiến hành các bài dạy theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh.

III. Một số biện pháp:

Để có thể tổ chức tốt các hoạt động cho học sinh theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực tôi đã thực hiện việc làm sau:

Biện pháp 1: Tìm hiểu nội dung SGK

Ngay từ khi được phân công dạy lớp 4, tôi nghiên cứu lại và nắm thật chắc nội dung bài trong sách giáo khoa và nhận thấy trong sách giáo khoa lớp 4, chương trình địa lí bao gồm các dạng bài:

- Các bài có nội dung về điều kiện tự nhiên của các miền tự nhiên nước ta, tự nhiên Việt nam.

- Các bài có nội dung về người dân và cách thức sinh hoạt của từng miền.

- Các bài có nội dung về sinh hoạt sản xuất của người dân, địa lý kinh tế

- Các bài có nội dung về thành phố.

- * Dạng bài có nội dung về điều kiện tự nhiên

- Mục tiêu giúp HS:

- + Trình bày được đặc điểm tự nhiên của một số khu vực thuộc ba miền địa hình: miền núi và trung du, đồng bằng và vùng biển.

- + Bước đầu sử dụng bản đồ hoặc lược đồ, tranh ảnh, bảng tư liệu để tìm ra kiến thức của bài học, xác lập được mối quan hệ giữa các yếu tố tự nhiên

- + Có tình yêu và ý thức bảo vệ thiên nhiên.

- Khi dạy dạng bài này, GV cần lưu ý:

- + Tổ chức cho HS chỉ vị trí của đối tượng trên bản đồ tự nhiên và khai thác tối đa các lược đồ trong SGK để tìm ra một phần kiến thức của bài học, rèn luyện cho HS kỹ năng sử dụng bản đồ, lược đồ.

- * Dạng bài về người dân và cách thức sinh hoạt

- Mục tiêu: Giúp HS

- + Nhận biết VN có nhiều dân tộc khác nhau và ghi nhớ tên một số dân tộc.

- + Trình bày được một số đặc điểm chính về số dân và phân bố về dân cư

- + Biết sử dụng tranh ảnh để mô tả sơ lược nhà ở, lễ hội, trang phục

- Khi dạy, GV cần lưu ý:

- + Giúp HS biết được tên các dân tộc sống ở khu vực đó với trang phục, sinh hoạt của họ. Đối với HSTH, để tạo những biểu tượng về các dân tộc, tốt nhất GV tổ chức cho HS quan sát tranh ảnh, tận dụng tối đa các tranh ảnh trong SGK.

- + Tổ chức cho HS liên hệ thực tế, từ đó hình thành cho HS năng lực vận dụng kiến thức địa lý vào thực tiễn.

- * Dạng bài học về hoạt động sản xuất của người dân

- Mục tiêu: Giúp HS

- +Trình bày được một số đặc điểm chính về hoạt động sản xuất của người dân ở một số khu vực thuộc ba miền địa hình.
- + Tôn trọng và bảo vệ các thành quả lao động của người dân.
- Khi dạy GV cần lưu ý:
 - +Cho HS thấy được mối quan hệ đơn giản giữa điều kiện tự nhiên, dân cư với hoạt động sản xuất.
 - +Giúp HS thấy được quy trình SX một số mặt hàng cụ thể.....
- * Dạng bài học về thành phố
 - Mục tiêu: Giúp HS
 - + Xác định được vị trí của một số thành phố trên lược đồ, bản đồ.
 - + Trình bày được những đặc điểm tiêu biểu của một số thành phố .
 - + Yêu quý và tự hào về những thành phố của đất nước.

Biện pháp 2: Kiểm tra đồ dùng

Sau khi tìm hiểu sách giáo khoa, tôi tiến hành lên danh sách đồ dùng cả năm cho môn địa lí. Tôi nhờ cán bộ thư viện trường kiểm tra đồ dùng ở thư viện xem đã có đồ dùng gì, đồ dùng gì cần mua bổ sung. Kiểm tra lại các bài soạn Powerpoint để chỉnh sửa và bổ sung (tuy nhiên những bài này đôi khi không cần dùng đến do cách tổ chức của mình). Danh sách đồ dùng dán trên bảng của lớp để học sinh cả lớp đều biết. Còn phần tranh ảnh, HS sẽ tự sưu tầm hoặc tìm các hình ảnh có trên mạng internet.

STT	Tên đồ dùng	Ghi chú
1	Bản đồ địa lí tự nhiên Việt Nam	
2	Bản đồ các sông chính Việt Nam	
3	Lược đồ các dãy núi chính ở Bắc Bộ	
4	Lược đồ các cao nguyên Tây Nguyên	
5	Lược đồ một số cây trồng và vật nuôi ở Tây Nguyên	
6	Lược đồ các sông chính ở Tây Nguyên	
7	Lược đồ đồng bằng Bắc Bộ	
8	Lược đồ thủ đô Hà Nội	
9	Lược đồ thành phố Hải Phòng	
10	Lược đồ tự nhiên đồng bằng Nam Bộ	
11	Lược đồ thành phố Hồ Chí Minh	
12	Lược đồ thành phố Cần Thơ	
13	Lược đồ dải đồng bằng duyên hải miền Trung	
14	Lược đồ thành phố Huế	
15	Lược đồ thành phố Đà Nẵng	

Biện pháp 3: Kết hợp với giáo viên tin học

+ Tôi trao đổi với giáo viên tin học về HS lớp mình để nắm được học sinh nào đã biết sử dụng tốt máy tính vào mạng Internet để tra cứu tài liệu, tranh ảnh, học sinh nào biết làm nhưng chưa thành thạo, học sinh nào còn lúng túng.

Kết quả điều tra về khả năng sử dụng tốt máy tính.

Đặc điểm	Số lượng HS	Ghi chú
Làm tốt, nhanh	23/46	
Biết làm nhưng chưa nhanh	15/32	
Còn lúng túng	8/46	

Tôi đề nghị GV tin học bồi dưỡng cho HS để tất cả các em đều biết sử dụng máy tính để tìm hiểu và tìm thông tin phục vụ cho bài học và nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của giáo viên tin học.

+ Trong giờ Tin học, ngay từ tuần đầu tiên của năm học, tôi nhờ GV tin học cho HS thời gian 15 phút để vào mạng internet tìm tư liệu cho bài học mà nhóm mình phụ trách (Tôi cũng có mặt để định hướng giúp HS có lựa chọn phù hợp). Việc tìm tư liệu ngay trong giờ tin học có nhiều lợi ích: có sự kiểm soát của GV tin học, HS tránh vào những trang web không lành mạnh; HS nhận được sự tư vấn của GV tin học về việc download tư liệu cũng như sử dụng tư liệu đó.

Biện pháp 4. Tổ chức cho HS tìm hiểu SGK, thống nhất cách học:

Đây là một việc làm quan trọng vì nó quyết định thành công của cả năm học cho môn địa lí. Vì thông qua việc làm này, HS biết được mình phải chuẩn bị gì, làm gì trong tiết học. Các bước cho học sinh tìm hiểu cụ thể như sau (Các bước này tiến hành trong thời gian 40 phút của một tiết học. GV có thể dùng tiết hướng dẫn học để làm.):

Bước 1. Các em bàn bạc theo nhóm 5 học sinh, để đưa ra nội quy của tiết học. Tôi yêu cầu mỗi nhóm đưa ra nhiều nhất 3 thông điệp. Sau khi học sinh bàn bạc, tôi cho các em thống nhất được nội quy như sau:

- Một người nói, mọi người nghe.
- Không quên nhiệm vụ.
- Hỏi khi không biết.

Nội quy gồm ba điều ngắn gọn nhưng đã giúp HS phát triển phẩm chất năng lực một cách thiết thực.

Nội quy	Phẩm chất, năng lực	Ghi chú
Một người nói, mọi người nghe.	Tự quản, hợp tác	
Không quên nhiệm vụ	Tự chịu trách nhiệm	
Hỏi khi không biết.	Năng lực giao tiếp, nói đúng, đủ nội dung cần trao đổi.	

Trong tháng đầu của năm học, nội quy được ghi lại, dán lên tường. Sau đó, GV có thể gỡ bỏ vì HS đã nhớ được nội quy.

Bước 2 . Sau khi học sinh đã thống nhất nội quy, tôi hướng dẫn HS tìm hiểu sách giáo khoa (SGK). Mỗi học sinh tự đọc mục lục SGK. Từ đó, các em biết mình học nội dung gì trong cả năm học, qua đó giúp HS có cái nhìn tổng quan về chương trình.

Bước 3. Tiếp theo, tôi hướng dẫn HS cách học:

Tôi giúp HS xác định, trong một tiết học, không phải các em học cái gì mà quan trọng là em học nó theo cách như thế nào. Vì vậy, các em sẽ tự suy nghĩ xem nên học như thế nào ở mỗi bài học.

Tôi yêu cầu học sinh cả lớp **chia thành các nhóm**, mỗi nhóm sẽ chịu trách nhiệm về các nội dung của bài học. Trong môn địa lí có 29 bài học chính và thêm một nội dung ngoài sách (tổ chức Ôn thi học kì 1, Ôn thi học kì 2, Một trò chơi cuối năm về địa lí.)

Sau khi học sinh nhận nhiệm vụ, tôi cho HS thảo luận với câu hỏi **“Em sẽ làm gì đối với nội dung các tiết học được phân công ?”** . HS lớp tôi đã bàn tán sôi nổi, các em đưa ra nhiều ý kiến:

- + Em sẽ lên mạng tìm tranh ảnh về nội dung bài.
- + Em sẽ cho các bạn trong nhóm thảo luận.
- + Em sẽ cho các bạn chơi trò chơi.
- + Em sẽ cho bạn kể chuyện, đóng kịch...
- + Em sẽ cho các bạn viết nội dung thuyết trình cho từng nội dung.

Sau đó các em đã cùng đưa đến một ý kiến là **Các em có thể lựa chọn bất cứ cách nào trong các cách vừa nêu để thực hiện nhiệm vụ tiết học.**

Tôi cho các em bàn bạc về thứ tự các việc cần làm để thực hiện nhiệm vụ được phân công. **Sau khi bàn bạc, HS lớp tôi đã thống nhất được bảng công việc như sau:**

STT		Hoạt động	Công việc cụ thể
1	Trước giờ học	Chuẩn bị	HS được phân công sẽ tự chuẩn bị nội dung theo bài học. (xem SGK, tìm thêm thông tin mở rộng, viết kịch bản hoạt

			cảnh, chuẩn bị bài thuyết trình...)
2.	Trong giờ học	Giới thiệu bài	GV giới thiệu đối với những bài đầu. Những bài sau có thể cho HS giới thiệu.
3.		Tìm hiểu phần 1	HS đọc SGK (đọc cá nhân, tự trả lời câu hỏi SGK, HS có thể tự ghi vở)
4.		Trao đổi nội dung phần 1 với bạn bên cạnh	2 hs trao đổi. Nêu câu hỏi về khái niệm địa lí chưa hiểu.
5		Trình bày trước lớp	HS trình bày theo sự mời, gọi của bạn phụ trách. Có thể trình bày bằng cách thuyết trình, kể chuyện, đọc thơ, đóng hoạt cảnh,... (GV có thể góp ý, ghi nhanh một số nội dung chính lên bảng)
6		Tổng kết ý phần 1	HS đọc lại phần ghi vở của mình, bổ sung nếu cần
7		Phần 2	HS tự chuyển sang tìm hiểu phần 2 sau khi xong phần 1 (Tiến hành tương tự phần 1)
8.		Nêu nội dung chính toàn bài	HS tự nêu theo ý của mình chứ không cần thiết phải đọc ghi nhớ SGK.
9.		Nêu cảm xúc sau tiết học	Học sinh có thể nêu cảm xúc về việc mình chuẩn bị, về nội dung bài học, nêu điều mình thấy thú vị trong tiết học,...

Tôi lưu ý học sinh:

+Với mỗi phần của bài học, các em nhớ *dành thời gian cho các bạn ghi vở*. Mỗi bạn hãy dựa vào đề mục của từng phần, tự nghĩ câu hỏi về nội dung rồi tự ghi vở.

+Khi hoạt động nhóm, nếu cần chỉ vị trí địa lí của một đối tượng địa lí thì mỗi em phải tự dùng bút chì tô đường viền xung quanh đối tượng đó.

+ Khi đứng ở bảng lớp để trình bày, em phải đứng nghiêng một bên , sao cho không che hình ảnh, chữ cần chỉ.

+Đối với các bạn trong lớp (khi không phụ trách bài) cần đưa ra những câu hỏi xoay quanh nội dung bài, và cần dùng câu hỏi với từ **Tại sao?** để biết rõ về nội dung bài.

Bước 4. Hướng dẫn HS cách tìm thông tin trên mạng internet bằng cách chọn từ từ khóa trên Google. Trong lớp tôi, một số học sinh đã thành thạo việc

tra cứu trên mạng internet nên tôi chỉ cần nhắc nhở thêm các em về việc đảm bảo an toàn khi sử dụng mạng (không vào trang web có nội dung không phù hợp, tập trung vào việc chính, còn một số em chưa thành thạo, tôi đã trao đổi về cách học của các con cho phụ huynh trong cuộc họp phụ huynh đầu năm nên phụ huynh cũng tạo điều kiện, giúp đỡ con...).

Việc trước giờ học, trong giờ học, HS chủ động làm việc với SGK góp phần hình thành năng lực tự phục vụ, tự quản, nâng cao năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề. Học sinh tự ghi vở không phải phụ thuộc vào việc ghi bảng của cô. Khi hoạt động nhóm, HS hình thành năng lực hợp tác, trình bày trước đám đông, năng lực giải quyết vấn đề. Cũng từ đó các phẩm chất được hình thành: chăm học, chăm làm, đoàn kết, kỉ luật, yêu bạn bè, tích cực tham gia hoạt động giáo dục. Trong tiết học, GV lưu ý chỉ can thiệp vào phần làm việc của học sinh khi thật cần thiết.

Bước 5 .GV thông báo với phụ huynh về nội dung mà GV và HS đã thống nhất trên lớp. Phụ huynh biết con họ làm gì, cần chuẩn bị gì để có thể hỗ trợ giúp cho hoạt động học tập diễn ra thuận lợi hơn. Yêu cầu PH giám sát con việc lên mạng internet để tra thông tin. Tránh tình trạng HS lên mạng internet không đúng mục đích.

Bước 6 . Hướng dẫn thông qua một tiết học cụ thể.

Ví dụ 1: Hướng dẫn HS hoạt động với: Bài 5. “**Tây Nguyên**” (SGK trang 82)

Tiết địa lí lớp tôi diễn ra vào thứ năm của tuần theo thời khóa biểu nên chúng tôi (GV và HS) quy định với nhau sẽ hoàn thành việc chuẩn bị vào thứ ba. HS sẽ trao đổi phần chuẩn bị của mình với cô giáo vào giờ ra chơi của ngày thứ ba trong tuần. Nếu HS viết kịch bản, câu hỏi trò chơi hoặc bài thuyết trình có thể copy vào USB hoặc gửi email để cô giáo xem. HS không phải ở lại bên GV giờ chơi mà giáo viên sẽ tự xem kế hoạch của HS và góp ý với các em. Thỉnh thoảng, tôi bổ sung chỉnh sửa luôn để phù hợp với nội dung bài. Đồng thời GV kiểm soát được nội dung HS tìm hiểu vì đôi khi các thông tin mà các con tìm được qua mạng internet là sai lệch, không đúng.

Đến giờ học, GV là người giới thiệu tên bài.

Đối với hoạt động 1. ***Tìm hiểu về Tây Nguyên - xứ sở của các cao nguyên xếp tầng***

- GV yêu cầu HS dựa vào bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam và bảng số liệu về độ cao của các cao nguyên treo trên bảng, kết hợp đọc thầm SGK {GV yêu cầu HS dựa vào hình 1 và bảng số liệu trong SGK}

- HS trao đổi với bạn bên cạnh. Hai bạn sẽ cùng nhau trả lời và thực hiện yêu cầu của phần 1:

- + Cho biết Tây Nguyên (TN) giáp những quốc gia nào?
- + Đọc tên và chỉ các cao nguyên ở TN theo hướng từ Bắc xuống Nam.
- + Sắp xếp độ cao trung bình của các cao nguyên theo thứ tự thấp đến cao.
- + Cho biết thành phố Plâyku, Buôn Ma Thuột và Đà Lạt nằm trên cao nguyên nào?

- Sau đó theo sự hướng dẫn của HS phụ trách, các HS sẽ chia sẻ trước cả lớp. Nhờ tự tìm hiểu, các em học sinh lớp tôi đã lên bảng chỉ giới hạn vùng đất Tây Nguyên và nói rõ ràng tên các quốc gia giáp Tây Nguyên như sau: Thừa cô và các bạn, Tây Nguyên giáp Lào và Cam- pu - chia . Bạn phụ trách sẽ cho các bạn xem hình ảnh Lược đồ Tây Nguyên và mời 1 đến 2 HS lên chỉ và nêu tên các cao nguyên có ở Tây Nguyên trên lược đồ lớn ở bảng lớp.

- HS phụ trách sẽ hỏi thêm : Các bạn có câu hỏi nào về phân vị trí địa lí của Tây Nguyên không?

-GV nhận xét và chốt lại nội dung chính. HS có thể tự ghi vào vở.

Tây Nguyên là vùng đất cao, rộng lớn với nhiều cao nguyên (CN) xếp tầng { cao nguyên Kon Tum, Plâyku, Đắc Lắc , Lâm Viên, Di Linh}

* Lưu ý

- Nếu ở Tây Nguyên, GV có thể yêu cầu HS mô tả CN nơi HS đang sống.
- HS phụ trách (GV) yêu cầu các nhóm lên giới thiệu khái quát về 5 CN
- + Cao Nguyên Đắc Lắc là cao nguyên thấp nhất trong các cao nguyên ở Tây Nguyên, bề mặt khá bằng phẳng, nhiều sông suối và đồng cỏ. Đây là nơi đất đai phì nhiêu. Dân cư đông nhất Tây Nguyên.

+ Cao Nguyên Kon Tum là một CN rộng lớn. Bề mặt cao nguyên khá bằng phẳng, có chỗ giống như đồng bằng. Trước đây, toàn vùng được phủ rừng rậm nhiệt đới nhưng hiện nay rừng còn rất ít, thực vật chủ yếu là các loài cỏ.

+ Cao nguyên Di Linh có bề mặt tương đối bằng phẳng được phủ bởi một lớp đất đỏ badan dày, nhưng không phì nhiêu bằng cao nguyên Đắc Lắc. Mùa khô ở đây không khắc nghiệt lắm, vẫn có mưa ngay cả trong những tháng hạn nhất, nên cao nguyên lúc nào cũng có màu xanh.

+ Cao nguyên Lâm Viên có địa hình phức tạp, nhiều núi cao, thung lũng sâu, sông, suối có nhiều thác ghềnh. Cao nguyên này có khí hậu mát quanh năm, có nhiều cảnh đẹp. Đà Lạt là thành phố du lịch nổi tiếng của Tây Nguyên.

+ Cao nguyên Plâyku có độ cao trung bình 800m, nằm phần lớn ở tỉnh Gia Lai. Khí hậu mát mẻ, trong lành, có nhiều cảnh quan thiên nhiên đẹp.

- HS phụ trách sẽ hỏi thêm : Các bạn có câu hỏi nào về phân vị trí địa lí của Tây Nguyên không?

-Nếu không có HS nào hỏi thì HS phụ trách bài (GV) sẽ tự cho các bạn trong lớp tìm hiểu sang hoạt động 2: ***Tìm hiểu về khí hậu Tây Nguyên***

Các việc làm trong phần 2 tương tự phần 1.

- GV yêu cầu HS:

+Tìm vị trí thành phố Buôn Ma Thuật trên bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam {hoặc trên hình 1- SGK}

+Dựa vào bảng số liệu lượng mưa trung bình tháng ở Buôn Ma Thuật {SGK}, cho biết mùa mưa và mùa khô ở Buôn Ma Thuật vào những tháng nào?

+ Cho biết khí hậu ở Tây Nguyên có mấy mùa? Là những mùa nào? Mô tả về những mùa đó.

- HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi để đưa ra sản phẩm chung của nhóm; GV quan sát, hỗ trợ { nếu cần}; - Đại diện báo cáo kết quả; nhận xét, bổ sung.

- GV nhận xét, giúp HS hoàn thiện sản phẩm và chốt lại nội dung chính:

Khí hậu ở Tây Nguyên có hai mùa: mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa ẩm thấp. Mùa khô nắng gay gắt.

* Lưu ý: Mùa khô ở Tây Nguyên, mực nước ngầm hạ thấp, vì thế việc làm thủy lợi gặp khó khăn, tốn kém, là trở ngại cho sản xuất và sinh hoạt. Tuy nhiên, mùa khô lại thuận lợi cho phơi sấy và bảo quản sản phẩm, nhất là sản phẩm cây công nghiệp. Mùa mưa kéo dài trên vùng đất badan vụn bở sẽ dẫn đến nguy cơ xói mòn.

Sau khi tìm hiểu nội dung chính của bài , GV cho HS chuyển sang Hoạt động 3 : ***Hoạt động luyện tập***

GV yêu cầu HS làm các bài tập sau:

1. Hãy nêu đặc điểm hình ở Tây Nguyên.

2. Mùa mưa và mùa khô ở TN có những thuận lợi và khó khăn gì?

- HS sẽ thảo luận nhóm đôi sau đó chia sẻ cho cả lớp, các nhóm có thể phản hồi lại những vấn đề còn thắc mắc với nhóm bạn

Hoạt động cuối bài là : ***Hoạt động vận dụng***

Vận dụng kiến thức đã học và những hiểu biết của bản thân, hãy giới thiệu về đặc điểm tự nhiên ở Tây Nguyên cho mọi người biết.

-Trong giờ học GV phải là người quan sát thật tinh, nắm thật vững kiến thức vì khi có các câu hỏi phát sinh thì GV phải là người xử lí kịp thời, khéo léo. Khi HS trả lời sai, GV quan sát các phản ứng của học sinh khi bạn mình trả lời sai; tạo cơ hội lần hai cho HS trả lời bằng cách không chê bai, chỉ trích hoặc phạt để gây ức chế tư duy học sinh, sử dụng một phần câu trả lời của học sinh để khuyến khích học sinh tiếp tục thực hiện.

-Tuy nhiên, học theo cách này, GV phải luôn khéo léo để điều chỉnh thời gian cho phù hợp bởi với HS ham tìm hiểu, có những nội dung kéo dài quá. Để xử lí, tôi hẹn các em về nhà tìm hiểu, in nội dung chia sẻ đính vào bảng của lớp.

Và với việc hướng dẫn học sinh hoạt động kĩ càng ngay từ bài đầu tiên, HS của lớp tôi đã lập được kế hoạch để giải quyết mục tiêu bài học một cách chủ động, sáng tạo. Các em có trách nhiệm với việc được giao, biết sử dụng SGK một cách chủ động, nghe, ghi chép, tìm kiếm thông tin tự giác, tích cực. Năng lực tự học được hình thành. Sau mỗi bài học, HS được nêu cảm xúc của mình. Như qua bài Tây Nguyên học sinh cảm thấy thêm yêu các vùng miền của đất nước, thấy được trách nhiệm của mình đối với đất nước.

IV. Kết quả:

Qua quá trình thực hiện, tôi rất mừng thấy học sinh lớp tôi đã có sự thay đổi trong cách học, cách nghĩ, cách đối xử. Cụ thể:

- 1.Chủ động hoàn thành việc chuẩn bị bài. Chuẩn bị bài một cách hào hứng. Biết lập kế hoạch.
2. Sáng tạo trong việc sử dụng hình ảnh, âm thanh để thuyết trình.
3. Mạnh dạn tự tin nói trước cả lớp. (Vì các con đã được tự chuẩn bị, được nói những điều mình quan tâm.)
4. Khả năng sử dụng ngôn ngữ của HS tăng lên. Linh hoạt hơn trong việc chọn từ để nói, để thu hút người nghe.
5. Sống tôn trọng, khoan dung hơn. Sống yêu thương. (Mỗi khi bạn sai, không chê bai bởi vì trong quá trình làm việc các con tự nhận ra rằng ai cũng có lúc sai, kể cả mình. Những lúc sai, ai cũng cần sự bao dung, động viên của người xung quanh.)
6. Học sinh sống trách nhiệm hơn. Vì bạn nào cũng có lần trình bày và cần có người nghe.Vậy khi bạn trình bày, mình không nghe thì khi mình trình bày, ai nghe. Trong thực tế, tôi nhận thấy, khi học sinh trình bày, các học sinh khác thích thú lắng nghe.
7. Học sinh biết hợp tác hơn với nhau, với mọi người xung quanh. (Trong quá trình tìm kiếm thông tin, học sinh đã có cơ hội trao đổi với bạn bè, thầy cô, người quen, thân,...Kĩ năng giao tiếp, hợp tác của các em phát triển.)

PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Như vậy, với sự trao quyền cho học sinh, tin tưởng học sinh, tôi đã tổ chức dạy học góp phần phát triển phẩm chất năng lực người học chính là cách thức để người học tích tụ dần dần các phẩm chất thành phần, các năng lực đặc

thù, chuyên biệt thành các phẩm chất, năng lực chung của mục tiêu giáo dục đã đặt ra.

Dạy học phát triển phẩm chất, năng lực là cách thức hướng người học tiến tới đạt được các tiêu chí, tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực trong từng môn học, lớp học, cấp học qua từng ngày, tháng, năm để phát triển nhân cách. Dạy học phát triển phẩm chất, năng lực người học là cách dạy học (dạy và học):

- + Không chỉ là dạy học mà **dạy cách học**
- + Không cung cấp kiến thức mà chỉ **cách tìm ra kiến thức**.
- + Không dạy học nhằm học thuộc kiến thức mà chỉ **cách vận dụng kiến thức**.
- + Không chỉ có dạy chữ mà còn phải **dạy người**.
- + Không dạy lặp lại kiến thức mà **dạy cách sáng tạo từ kiến thức đó**.
- + Không phải dạy học để "học sinh học được những gì mà **để làm được gì**".
- + Không phải dạy học để người học có nhiều kiến thức cao siêu nhưng lại không **làm được điều thiết thực**.
- + Không dạy học chỉ có giáo khoa mà phải **trải nghiệm**.

Với cách tổ chức tiết học như vậy, mỗi giáo viên cần luôn tự trau dồi kiến thức (kiến thức địa lí, kiến thức về phương pháp mới, về hoạt động của não bộ, ...) để luôn linh hoạt, ứng phó tốt với sự nhanh nhạy sáng tạo của học sinh, để phát huy tốt tính độc lập sáng tạo của các em. Dần dần theo năm tháng, chúng ta sẽ có những con người với cách nghĩ, cách làm sáng tạo, mạnh dạn tự tin góp phần xây dựng đất nước Việt Nam thân yêu ngày càng tươi đẹp.

Tôi mong muốn, chính mỗi giáo viên là người thay đổi theo hướng tích cực trước. Mỗi cán bộ giáo dục hãy nhìn vào tác động lâu dài mà khuyến khích giáo viên sáng tạo.

Tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của các cấp lãnh đạo, đồng nghiệp, người đọc để trong thời gian tới, tôi sẽ tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện hơn cách tổ chức tiết học góp phần phát triển phẩm chất, năng lực cho HS và làm tốt hơn công việc giáo dục của mình.

Tôi xin chân thành cảm ơn.

Tôi xin cam đoan đây là SKKN của mình viết, không sao chép nội dung của người khác.

Hà Nội, ngày 8 tháng 4 năm 2022

Người viết

Nguyễn Thị Hằng